

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11- NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 14/8/2026

V/v tranh chấp hôn nhân

và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ái

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lữ Văn Thành

Bà Phạm Thị Hào

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 131/2026/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn P, xã B, tỉnh Nghệ An.

Người được nguyên đơn ủy quyền giao, nhận văn bản tố tụng: Bà Vang Thị T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Bản C, xã T, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Chị Lô Thị L, sinh năm 1999 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Trú tại: Bản C, xã T, tỉnh Nghệ An.

Người được bị đơn ủy quyền giao, nhận văn bản tố tụng: Ông Lô Văn T1, sinh năm 1973. Địa chỉ: Bản C, xã T, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 14/7/2026 và bản tự khai anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Tình cảm: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lô Thị L tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2015. Anh Đ và chị L đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An (nay là xã B, tỉnh Nghệ An) vào ngày **09 tháng 10 năm 2015** trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh vào năm 2019, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách quan điểm sống quá khác nhau nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau thậm tệ, lâu dần tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, đến giữa năm 2019 thì vợ chồng sống ly thân với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị L có nguyện vọng ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc.

Con chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lô Thị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Mai S, sinh ngày 05/5/2016 hiện cháu đang sống cùng chị Lô Thị L tại bản Cây Me, xã T, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng cũng đã thỏa thuận về con chung, nên nếu ly hôn đặt ra anh Đ có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Mai S cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: Anh Đ không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ và chị L tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai, Biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 7 năm 2026 bị đơn chị Lô Thị L trình bày:

Tình cảm: Chị Lô Thị L và anh Nguyễn Văn Đ tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2015. Chị L và anh Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An (nay là xã B, tỉnh Nghệ An) vào ngày **09 tháng 10 năm 2015** trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh vào năm 2019, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách quan điểm sống quá khác nhau nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau thậm tệ, lâu dần tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, mặc dù chị L đã cố gắng hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, đến giữa năm 2019 thì vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, anh Đ có nguyện vọng ly hôn với chị L thì chị L đồng ý.

Con chung: Chị Lô Thị L và anh Nguyễn Văn Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Mai S, sinh ngày 05/5/2016 hiện cháu đang sống cùng chị L tại bản Cây Me, xã T, tỉnh Nghệ An. Khi thống nhất ly hôn thì vợ chồng cũng đã thỏa thuận về con chung, nên nếu ly hôn đặt ra chị L đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Mai S cho anh Nguyễn Văn Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: Chị L và anh Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh Đ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/7/2026 cháu Nguyễn Thị Mai S con chung của anh Nguyễn Văn Đ và chị Lô Thị L: Cháu Nguyễn Thị Mai S có nguyện vọng sống với anh Nguyễn Văn Đ.

Biên bản xác minh Ủy ban nhân dân xã T: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986, trú tại: Thôn P, xã B, tỉnh Nghệ An và chị Lô Thị L, sinh năm 1993, trú tại: Bản C, xã T, tỉnh Nghệ An không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Nghệ An mà đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An (nay là xã B, tỉnh Nghệ An) tại số 62/2015 ngày 09/10/2015; Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lô Thị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Mai S, sinh ngày 05/5/2016 hiện cháu đang sống với chị Lô Thị L. Anh Nguyễn Văn Đ không sinh sống tại địa phương nên chính quyền địa phương không nắm được mâu thuẫn của của chị L và anh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Nghệ An tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Lô Thị L; Con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Mai S, sinh ngày 05/5/2016 cho anh Nguyễn Văn Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Lô Thị L; Tài sản chung, nợ chung: Anh Đ và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Án phí: Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và các lời khai của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị Lô Thị L đăng ký thường trú tại bản cây Me, xã T, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ và bị đơn chị Lô Thị L thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Nghệ An. Nguyên đơn, bị

đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị L kết hôn với nhau vào năm 2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An (nay là xã B, tỉnh Nghệ An) cấp giấy chứng nhận kết hôn tại số 62/2015 ngày 09/10/2015 vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

[3.1] Tình cảm: Anh Đ và chị L trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, xúc phạm nhau thậm tệ, cuộc sống vợ chồng ngọt ngat, tình cảm vợ chồng rạn nứt và đã sống ly thân với nhau từ giữa năm 2019, anh Đ cũng thừa nhận, anh không còn tình cảm với chị L và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống, hôn nhân không đạt được mục đích, mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Anh Đ khởi kiện ly hôn thì chị L đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của anh Đ và chị L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Lô Thị L theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao.

[3.2] Con chung: Anh Đ và chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Mai S, sinh ngày 05/5/2016 và Anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Mai S cho đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị L đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Mai S cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao Nguyễn Thị Mai S, sinh ngày 05/5/2016 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị L. Chị L được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

[3.3] Tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn Đ, chị Lô Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[4] Án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Lô Thị L.

2. Con chung: Giao con chung của nguyên đơn và bị đơn là cháu Nguyễn Thị Mai S, sinh ngày 05/5/2016 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị L;

- Chị L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một bên hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

4. Án phí: Buộc nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000436 ngày 16/07/2026 của Thi hành án dân sự Nghệ An.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 36, 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự./.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND khu vực 11-Nghệ An;
- Phòng THADS khu vực 11, Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã Bạch Hà, Nghệ An;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Lương Thị Ái